

Lao động, FDI và cơ chế tỷ giá hối đoái – một mô hình đơn giản

PHẠM SỸ AN

Dòng vốn FDI mang lại nhiều lợi ích cho các nước đang phát triển. FDI là một kênh để nền kinh tế trong nước tiếp cận đến thị trường nước ngoài, tiếp cận công nghệ mới, kỹ năng quản lý mới và thu hút lao động. Hầu hết các nước đang phát triển đều mong muốn và cạnh tranh với nhau để thu hút FDI thông qua nhiều biện pháp và chiến lược khác nhau. Một trong những nhân tố tác động lớn đến việc thu hút FDI là tỷ giá hối đoái. Trong bài viết này, tác giả đưa ra một mô hình cho thấy, cơ chế tỷ giá hối đoái cố định hay đồng nội tệ định giá cao, có thể tác động bất lợi đến việc thu hút FDI và ảnh hưởng đáng kể đến việc làm tại các doanh nghiệp FDI xuất khẩu.

1. Doanh nghiệp FDI tại các nước đang phát triển

Một khoản đáng kể FDI vào các nước đang phát triển nhằm tận dụng giá nhân công rẻ và sản xuất sản phẩm cho xuất khẩu. Ví dụ, với mô hình “đàn sếu bay”, các nước đi trước (chẳng hạn, Hàn Quốc, Đài Loan) đang chuyển các nhà máy sản xuất thâm dụng lao động (như các nhà máy sản xuất giày dép, dệt may, lắp ráp linh kiện điện tử,...) sang các nền kinh tế đang phát triển đi sau (như Thái Lan, Ấn Độ, Việt Nam). Nhiều nước đang phát triển đang thực hiện cơ chế tỷ giá hối đoái cố định hay tỷ giá hối đoái được gắn với một đồng tiền mạnh nào đó, thông thường là đồng đôla Mỹ và thực hiện những quy tắc điều chỉnh khác nhau¹. Đồng thời, đồng tiền của nhiều nước đang phát triển này được đánh giá định giá quá cao so với đồng đôla Mỹ; tỷ giá hối đoái danh nghĩa được phá giá chậm hơn và nhỏ hơn so với tốc độ tăng và chênh lệch giữa lạm phát của các nước đang phát triển tiếp nhận FDI với nước mà nó có đồng tiền gắn vào, chẳng hạn Mỹ. Vậy, tất cả điều này có ảnh hưởng gì đến dòng FDI? Có tác động gì đến hành vi sử dụng lao động và hành vi trả lương cho lao động của các doanh

ng nghiệp FDI? Bài viết này sẽ xây dựng một mô hình đơn giản nhằm trả lời các câu hỏi trên. Bài viết chỉ cung cấp thêm một luận cứ ủng hộ cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt hơn, chứ nó không nhằm ủng hộ cho cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt.

Trong bài viết, nhằm mục đích đơn giản, giả sử: hầu hết sản phẩm sản xuất của doanh nghiệp FDI dành cho xuất khẩu, tức là bán trên thị trường cạnh tranh quốc tế để thu ngoại tệ và doanh nghiệp trả lương cho người lao động bằng đồng tiền Việt Nam với việc quy đổi từ đôla sang đồng Việt Nam thông qua tỷ giá hối đoái cố định, có thể được điều chỉnh bởi Ngân hàng Nhà nước, nhưng việc điều chỉnh này nhỏ hơn chênh lệch giữa tỷ lệ lạm phát trong nước và nước Mỹ; doanh nghiệp FDI chỉ sử dụng một đầu vào cho sản xuất là lao động. Như vậy, hàm

Phạm Sỹ An, ThS., Viện Kinh tế Việt Nam.

1. Chẳng hạn, Ngân hàng Nhà nước chính thức quy định tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đôla là 1xxx đồng cho 1 đôla và cho phép thị trường điều chỉnh tỷ giá trong phạm vi y%. Hay Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ giá hối đoái trên thị trường tự do chỉ được phép giao động trong biên độ x% so với tỷ giá hối đoái chính thức trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

sản xuất của doanh nghiệp có thể viết dưới dạng:

$$Y = L^\alpha, \alpha \in (0,1)$$

Trong đó: Y là sản lượng sản xuất và L là số lượng lao động sử dụng.

Điều kiện $\alpha \in (0,1)$ đảm bảo sản phẩm lao động cận biên lớn hơn không và lợi tức theo quy mô giảm dần, hay biểu diễn dưới dạng ký hiệu như sau:

$$\partial Y / \partial L > 0 \text{ và } \partial^2 Y / \partial L^2 < 0.$$

Lợi nhuận của doanh nghiệp được biểu diễn bằng chênh lệch giữa doanh thu bán hàng (hàng hóa được bán trên thị trường thế giới và quy về đồng Việt Nam thông qua tỷ giá hối đoái cố định) và chi phí (tiền lương trả cho người lao động).

$$\pi = \bar{E} P^f L^\alpha - w^d L,$$

Trong đó, \bar{E} ký hiệu cho tỷ giá hối đoái; P^f là giá một đơn vị sản phẩm bán tại thị trường thế giới, tính bằng đôla Mỹ; w^d là tiền lương trả cho một người lao động, tính bằng đồng Việt Nam.

Doanh nghiệp FDI thuê lao động để thực hiện tối đa hóa lợi nhuận, do đó, điều kiện bậc 1 cho việc giải bài toán là $\partial \pi / \partial L = 0$. Giải bài toán đơn giản này, chúng ta thu được cầu lao động của doanh nghiệp FDI:

$$L^d = \left(\frac{w^d}{\alpha \bar{E} P^f} \right)^{\frac{1}{\alpha-1}} \quad (*)$$

Giả sử ở đây rằng \bar{E} là tỷ giá hối đoái tối ưu ban đầu sao cho cầu lao động L^d bằng với cung lao động \bar{L} ; tức là: $L^d = \bar{L}$.

Nhu cầu lao động của doanh nghiệp FDI phụ thuộc vào 3 yếu tố: tiền lương, tỷ giá hối đoái và giá bán sản phẩm.

2. Đánh giá cao tỷ giá hối đoái và thất nghiệp

Ở trên đã đề cập đến việc đồng tiền của nhiều nước đang phát triển đánh giá quá

cao, vậy điều này có tác động thế nào đến nhu cầu lao động của các doanh nghiệp FDI và do đó là vấn đề việc làm và thất nghiệp? Để trả lời cho câu hỏi này, giả sử giữ nguyên các yếu tố khác (như: tiền lương danh nghĩa trả cho người lao động trong nước và giá bán sản phẩm tại thị trường nước ngoài) và tỷ giá hối đoái danh nghĩa được định giá là \bar{E}^* sao cho: $\bar{E}^* < \bar{E}$. Tại tỷ giá \bar{E}^* , nhu cầu lao động của doanh nghiệp FDI nhằm tối đa hóa lợi nhuận sẽ là:

$$L^{d*} = \left(\frac{w^d}{\alpha \bar{E}^* P^f} \right)^{\frac{1}{\alpha-1}}$$

Rõ ràng, với $\bar{E}^* < \bar{E}$, nhu cầu lao động của doanh nghiệp FDI khi tỷ giá hối đoái được đánh giá ở mức \bar{E}^* sẽ thấp hơn nhu cầu lao động của doanh nghiệp FDI khi tỷ giá hối đoái ở mức \bar{E} , hay $L^{d*} < L^d$. Khoảng chênh lệch này sẽ là khoảng lao động không được thuê (thất nghiệp) do tỷ giá hối đoái bị định giá cao.

Tiếp theo, chúng tôi cho thấy, nhu cầu lao động của doanh nghiệp FDI sẽ như thế nào nếu tốc độ tăng giá trong nước lớn hơn tổng tốc độ tăng giá bán sản phẩm và tăng tỷ giá hối đoái danh nghĩa. Đạo hàm nhu cầu lao động của doanh nghiệp FDI (*) theo $(w^d / \bar{E} P^f)$, chúng ta thu được²:

$$\frac{\partial L^d}{\partial (w^d / \bar{E} P^f)} = \frac{1}{\alpha(\alpha-1)} \left(\frac{w^d}{\alpha \bar{E} P^f} \right)^{\frac{2-\alpha}{\alpha-1}} < 0$$

Như vậy, nhu cầu lao động sẽ giảm khi tốc độ tăng giá trong nước lớn hơn tổng tốc độ tăng giá bán sản phẩm và tăng tỷ giá hối đoái. Nói cách khác, khi đồng nội tệ được định giá cao, nhu cầu lao động của các doanh nghiệp FDI sẽ giảm so với nhu cầu lao động khi đồng nội tệ được giảm giá.

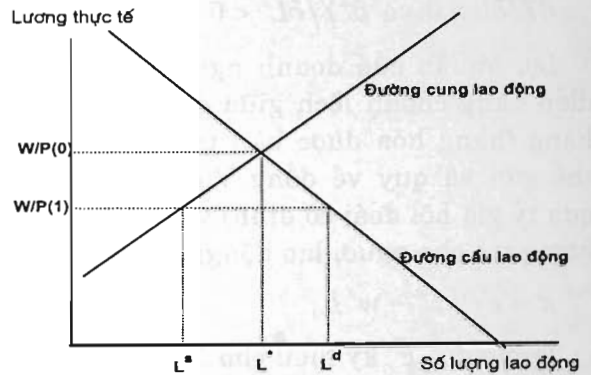
2. Giả sử tốc độ tăng lương bằng với tốc độ tăng giá.

Một ví dụ và minh họa bằng đồ thị:

Giả sử một doanh nghiệp FDI sản xuất giày với giá 1 USD 1 đôi, bán tại thị trường thế giới. Một tháng doanh nghiệp sản xuất 1000 đôi giày, doanh thu 1 tháng là 1000 USD. Cũng giả sử doanh nghiệp thuê lao động trong nước 1000 người với tiền lương 10.000 VND một tháng cho một lao động. Tỷ giá hối đoái ban đầu là 10.000 VND cho 1 USD. Như vậy, lợi nhuận của doanh nghiệp bằng 0. Ban đầu giả sử chỉ số giá chung của tổng thể nền kinh tế (chẳng hạn, chỉ số giá tiêu dùng) ở mức 100, tiền lương thực cho 1 lao động trong 1 tháng là 10.000 VND. Tuy nhiên, khi mức giá tăng lên 110 hay tỷ lệ lạm phát tăng 10%. Lúc này, để đảm bảo tiền lương thực tế không đổi, người lao động yêu cầu tăng lương thêm 10%, lên đến 11.000 VND cho 1 tháng. Nếu vẫn với tỷ giá cố định: 10.000 VND cho 1 USD, doanh nghiệp sẽ phải chi tới 1,1 USD cho 1 lao động và với 1000 lao động, nó phải chi tới 1.100 USD một tháng cho tiền lương lao động. Với giá bán 1 đôi giày trên thế giới không đổi; lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ âm. Lúc này, một là doanh nghiệp giảm lao động và hai là thoát ra khỏi thị trường. Với giả sử lỏng lẻo hơn, tỷ giá hối đoái vẫn tăng nhưng thấp hơn 10%; doanh nghiệp vẫn phải chịu lợi nhuận âm, mặc dù "lỗ" ít hơn khi tỷ giá hối đoái cố định. Do đó, doanh nghiệp FDI luôn không mong muốn tăng lương, bất chấp đang có nhu cầu về lao động. Với tiền lương không tăng và mức giá tăng, rõ ràng tiền lương thực tế của người lao động giảm. Nếu tại mức tiền lương 10.000 VND cho 1 người lao động trong 1 tháng và với mức giá 100 đảm bảo tiền lương thực tế cân bằng giữa cung và cầu lao động, thì với tiền lương như cũ và mức giá tăng, cung lao động sẽ thấp hơn cầu lao động trong khu vực FDI. Điều này có thể được thể hiện ở đồ thị bên.

Trong đồ thị bên, $W/P(0)$ ký hiệu tiền lương thực tế khi chỉ số giá ở mức 100, tiền lương danh nghĩa 10.000 VND cho người lao động 1 tháng và L^* ký hiệu lao động cân bằng tại mức lương danh nghĩa này. $W/P(1)$ ký hiệu

tiền lương thực tế khi chỉ số giá tăng lên 110, tiền lương danh nghĩa doanh nghiệp FDI trả cho người lao động không thay đổi (do tỷ giá hối đoái không thay đổi, hoặc tỷ giá hối đoái thay đổi nhỏ hơn tốc độ tăng giá, ở đây là 10%). L^s là cung lao động tại mức lương thực $W/P(1)$ và L^d là cầu lao động tại mức lương thực mới này. Khoảng chênh lệch giữa L^d và L^s là số lượng lao động không được thuê do tỷ giá hối đoái cố định.



3. Tăng lương danh nghĩa và thu hút FDI

Với tỷ giá hối đoái cố định và giá bán sản phẩm ở thị trường cạnh tranh nước ngoài không đổi, với chính sách tăng lương danh nghĩa liên tục nhằm theo kịp lạm phát, lợi nhuận trong doanh nghiệp FDI sẽ như thế nào. Có thể trả lời câu hỏi này bằng một số phép tính đơn giản như sau:

Lợi nhuận của doanh nghiệp khi tiền lương ở mức w^d sẽ thấp hơn lợi nhuận của doanh nghiệp khi tiền lương ở mức w^{d*} với $w^{d*} > w^d$. Chúng ta có thể làm điều này bằng cách thay hàm cầu lao động của doanh nghiệp FDI (*) vào hàm lợi nhuận và đạo hàm lợi nhuận theo tiền lương trả cho người lao động. Kết quả đạo hàm này sẽ âm và chứng tỏ khi tiền lương danh nghĩa tăng, lợi nhuận của doanh nghiệp FDI giảm.

Thay hàm cầu lao động (*) vào hàm lợi nhuận ta có:

$$\pi = \bar{E}P^f \left(\frac{w^d}{\alpha \bar{E}P^f} \right)^{\frac{\alpha}{\alpha-1}} - w^d \left(\frac{w^d}{\alpha \bar{E}P^f} \right)^{\frac{1}{\alpha-1}}$$

Đạo hàm theo w^d chúng ta thu được:

$$\frac{\partial \pi}{\partial w^d} = \frac{\alpha}{\alpha - 1} (\alpha \bar{E} P^f)^{\frac{1}{1-\alpha}} (w^d)^{\frac{1}{\alpha-1}} \left[\alpha^{\frac{1}{1-\alpha}} - 1 \right] < 0$$

Kết luận này có ý nghĩa gì trong việc thu hút FDI của Việt Nam nói riêng và các nước đang phát triển thực hiện chính sách tỷ giá hối đoái cố định nói chung. Tăng tiền lương tối thiểu, hoặc đơn giản lao động gây sức ép tăng mức lương doanh nghiệp nhằm bắt kịp tốc độ tăng mức giá, trong điều kiện tỷ giá hối đoái cố định, hoặc điều chỉnh chậm hơn rất nhiều so với chênh lệch giữa tốc độ tăng giá trong nước và giá nước ngoài, cụ thể là Mỹ, sẽ làm giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp FDI, do đó sẽ không khuyến khích các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư trong nước.

4. Kết luận

Khi khảo sát các doanh nghiệp FDI sử dụng nhiều lao động, có những doanh nghiệp hiện đang có tới hàng nghìn công nhân trong nhà máy, sản xuất giày cho xuất khẩu, rất nhiều doanh nghiệp phân nân không thuê nổi lao động (không kỹ năng); trong khi đó, người lao động lại phân nân tiền lương quá thấp để có thể làm việc. Tại sao với nhu cầu lao động tăng, tiền lương không tăng theo như đề xuất của mô hình cung-cầu trong những quyển sách kinh tế vi mô mà các sinh viên được học? Câu trả lời nằm ở chế độ tỷ giá hối đoái mà Việt Nam và nhiều nước đang phát triển khác đang áp dụng. Một mô hình đơn giản được xây dựng trên cho thấy: với một nước đang phát triển, cố gắng thu hút FDI không chỉ nhằm tận dụng cơ hội tiếp cận thị trường, tiếp cận công nghệ hiện đại, tiếp cận trình độ quản lý mới, mà còn nhằm tận dụng khả năng thu hút lao động vào trong khu vực FDI; với những doanh nghiệp FDI sử dụng công nghệ thâm dụng nhiều lao động vào các nước đang phát triển nhằm tận dụng giá lao động rẻ và sản xuất sản phẩm cho xuất khẩu; với chế độ tỷ giá hối đoái cố định vào đồng đôla Mỹ hay thực hiện điều chỉnh theo một số nguyên tắc nhưng đồng nội tệ vẫn bị đánh giá cao, hay tỷ giá hối đoái điều chỉnh không tương xứng với

chênh lệch tỷ lệ lạm phát giữa nước nhận FDI và nước có đồng tiền được neo; kết quả thu được là nhu cầu lao động của các doanh nghiệp FDI thấp hơn và lợi nhuận của các doanh nghiệp FDI thấp hơn so với khi tỷ giá hối đoái được điều chỉnh linh hoạt hơn, phù hợp hơn với chênh lệch lạm phát giữa nước nhận FDI và “nước ngoài”. Nói cách khác, chính sách tỷ giá hối đoái cố định trong trường hợp tỷ lệ lạm phát trong nước cao hơn so với tỷ lệ lạm phát nước ngoài, sẽ làm cho nhiều lao động không được tận dụng và không thu hút được nhiều FDI, so với trường hợp tỷ giá hối đoái linh hoạt hơn.

Bài viết này không cố gắng tìm câu trả lời toàn diện cho việc phá giá đồng nội tệ tốt hay không tốt cho dòng FDI và việc làm; việc thực hiện cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt hơn là tốt hay không tốt cho dòng FDI và việc làm. Phát triển mô hình hay xây dựng một mô hình hoàn toàn mới và thực hiện nghiên cứu thực nghiệm sẽ là nhiệm vụ cho các nhà nghiên cứu khác. Ở đây, tác giả chỉ đưa thêm một lý do nhằm không ủng hộ cho chế độ tỷ giá hối đoái cố định hay có điều chỉnh, nhưng điều chỉnh không tương thích với chênh lệch tỷ lệ lạm phát giữa nền kinh tế trong nước và nước có đồng tiền được gắn vào. Bài viết chỉ tập trung vào ý tưởng hơn là một nghiên cứu thực nghiệm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alaba, O. B. (2003), “Exchange rate uncertainty and foreign direct investment in Nigeria,” Bài viết được trình bày tại Hội nghị WIDER về Sharing Global Prosperity ngày 6-7 tháng 9 năm 2003, tại Finland.
- Alba, J. D., Wang, P., và Park, D. (2009), “The Impact of Exchange Rate on FDI and the Interdependence of FDI Over Time,” ADB Economics Working Paper Series, No. 164
- Binh, N. N., và Haughton, J. (2002), “Trade Liberalization and Foreign Direct Investment in Vietnam,” ASEAN Economic Bulletin, December.
- Hoang, T. T. (2008), “Determinants of Foreign Direct Investment in Vietnam,” Bài viết được trình bày tại hội thảo: “International Colloquium on Asian Business (ICAB) 2008, từ ngày 30 tháng 6 đến ngày 03 tháng 7 năm 2008, tại Bangkok, Thailand.
- Kiyota, K. và Urata, S. (2004), “Exchange Rate, Exchange Rate Volatility and Foreign Direct Investment,” The World Economy, Vol 27, No 10, pp. 1501-1536.